

Thư Bạn Cùng Đơn Vị Cũ

Phạm Kim Khôi, K19

Thân gửi anh Quốc Quân, Tiểu Đoàn 1/33

Giã biệt sông hồ tự bấy lâu
Thư anh sóng lại thuở đương đầu
với giặc khi quê tràn khói lửa
Đã trình ta dần bước bên nhau
Áo chiến xanh lên màu núi sông
Đời trai đã hẹn với tang bồng
“Cổ lai chinh chiến” không sờn chí
Diệt lũ tham tàn thỏa ước mong
Anh kể cho nghe mẩu chuyện vui
Đứng trên hầm giặc tưởng xong rồi
Chúng tung lựu đạn lên mưu sát
Phóng xuống nhanh anh thoát kịp thời
Hoạt cảnh hành quân thật ngỡ ngàng
Khác chi phim ảnh chiếu trên màn
Bao nhiêu nguy hiểm đang chờ tới
Lính vẫn coi như chuyện rất thường
Mấy chục năm rồi không gặp nhau
Thư anh gọi nhớ bến giang đầu
Từ xưa ta đã chung đời lính
Nay vẫn mang cùng một nỗi đau

*Chưa từng giải ngũ mà buông súng
Thế sự chua cay hận để đời
Lệnh xuống khi còn đang đối địch
Bỗng dưng ngưng chiến trời ơi trời*



HOA PENSÉE

Nguyệt Khanh

*Sao cứ nhớ để lòng còn vương vấn
Thuở ban đầu tưởng biệt ngàn thu
Ôi tiếc thay thời tuổi ngọc mộng mơ
Những hứa hẹn của tình thơ xa vắng
Mùa Đông đó mình bên nhau lặng ngắm
Ánh trăng vàng ngời sáng tỏa trên cao
Trong gió mây em đã thấy ngàn sao
Rơi từng cánh long lanh trong ánh mắt*

Ta đi bước trong sương mù lạnh ngắt
Rét giá Đông mà lòng vẫn ấm êm
Tà áo em bay quyện mái tóc mềm
Anh vén sợi tóc mai vương trên má

*Nhớ Đà Lạt mùa Thu về đỏ lá
Trời sương mù giăng mắc lối hẹn xưa
Rảo bước chân tim đập tay đông đưa
Cùng hát lá rơi bùa trên phố vắng*

Hồ Xuân Hương hoa phượng hồng rực nắng
Giữa công viên em ngồi ngắm trời mây
Thả hồn theo bướm bướm trắng bay bay
Xuân muôn sắc anh trao tay tình thắm

*Tưởng trái tim đã từ lâu chìm lắng
Tháng năm qua Hạ cũng vẫn vừa sang
Sao tâm hồn mãi vương vấn hoang mang
Khung trời mới mà chưa chan ngày cũ*

Xuân lại về muôn hoa đang đơm nụ
Tình Alpha còn lưu giữ vần thơ
Hoa Pensée em vẫn ép trong thư
Ghi kỷ niệm tình thơ cùng vũ trụ



Phiếm Luận

Khổ Vì Chữ Ăn

Thu Nga, K18/1

Ngay từ lúc mới chào đời, vừa mới mở mắt liền cất tiếng khóc “oa oa”? Nếu cắt nghĩa một cách khoa học thì em bé khóc vì cảm thấy bất an khi không còn được che chở ở một nơi êm ấm như trong bụng mẹ. Còn giải thích theo lối tôn giáo, ta khóc khi mới lọt lòng vì ta đã nhận thức được rằng “đời là bể khổ”! Nói một cách thực tế, trẻ sơ sinh khóc chỉ vì đói!

Ăn là một việc cần thiết nhất trong tất cả nhu cầu hàng ngày của bất cứ sinh vật nào trên trái đất, đặc biệt “ăn” đứng đầu trong tứ khoái của con người. Nếu không phải ăn thì chắc chắn chúng ta không chịu phải làm việc. Hai cái tay phải nuôi chỉ một cái miệng, mà đôi lúc còn cảm thấy chật vật, khó khăn. Từ lúc mới sinh cho đến lúc cuộc đời kết thúc, ai cũng phải ăn để sinh tồn. Dẫu có kẻ cho rằng, “Miếng ăn là miếng tội tàn, mất ăn một miếng lợn gan lên đầu”. Hoặc “ăn để sống, chứ không phải sống để ăn”. Đẳng nào cũng phải ăn mà thôi! Từ kẻ sang ăn cao lương mỹ vị, đến kẻ khổ rách áo ôm, “chạy ăn từng bữa”, từ vua chúa đến thường dân, ai cũng phải ăn.

Đi tu không được sát sinh, không ăn mặn, thì cũng phải ăn chay, vì rằng “có thực, mới vực được đạo”. Những kẻ yêu

nhau cũng không thể uống nước lã mà sống được, phải ăn trước đã, vì rằng con đường đi đến quả tim, phải băng qua cái bao tử! Cái kiêu chỉ cần tình yêu thôi, “một mái nhà tranh hai quả tim vàng” là chúa xạo! Ít ra cũng “đầu tôm nấu với ruột bầu, chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon”. Chứ yêu mà không có dưa mắm, com hầm thì làm sao sống qua ngày để yêu!?

Bữa ăn thường thường có ba bữa: Ăn sáng, ăn trưa, và ăn tối. Nhiều người không thích ăn sáng, hay còn gọi điếm tâm, mà chỉ uống một ly cà phê cho tỉnh táo, nhưng thật ra bữa ăn sáng rất cần cho sức khỏe con người. Buổi ăn trưa người ta ăn ít hơn buổi ăn tối. Bữa ăn tối là thời gian êm đềm nhất trong ngày của mọi gia đình để mọi người quay quần ăn và nói chuyện với nhau.

Những người ở thôn quê, buổi sáng ăn com nguội với những loại mắm, mắm nêm, mắm ruốc cho chắc bụng để đi cày, nên ta có câu “ăn như trai cày”. Trưa lại, cho trâu nghỉ ngơi, việc đồng áng tạm ngưng vài tiếng, để làm một bụng com mắm nữa. Chiều về, rửa mặt sạch sẽ, lại ngồi xuống với vợ con, vét sạch hết cả nồi com đồng! Vừa ăn vừa la lũ nhỏ. Khi thấy chúng gắp nhiều con mắm quá, coi chừng “ăn mặn, khát nước”, và rằng “phải liệu com, gắp mắm”. (Câu này nghĩa bóng còn khuyên mọi người nên biết tiêu xài theo khả năng của mình có, để đừng bị thiếu hụt, mang nợ nần.)

Những người chững chạc đàng hoàng, tỏ lộ qua cách an “Ăn trông ngồi, ngồi trông hướng”. Dân tộc ta nghèo, cái đói hay ám ảnh nên khi xưa, gặp nhau, ta hay chào hỏi bằng câu, “ăn cơm chưa!” Com là món ăn chính của gia đình Việt Nam. Khá thì ăn gạo Nàng Hương, Nanh Chồn, gạo Tám Thom. Trung trung thì ăn gạo hạt tròn, gạo hạt dài, Lính thì ăn “gạo quân tiếp vụ”. Nghèo thì ăn gạo mọt, gạo sâu. Nhưng nói chung, gạo, com là món ăn nuôi sống người mình.

Nói về món ăn với com thì có quá nhiều, không làm sao kể

hết, nhưng phần đông có ba món chính cho bữa cơm: Canh, đồ xào, và một món kho mặn. Người ta cũng ăn thêm rau sống, hay rau luộc cho đầy đủ chất bổ.

Ngoài các bữa ăn chính hàng ngày, ta lại còn ăn các bữa tiệc, bữa giỗ mà thức ăn, thức uống ê hề vì “khách tới nhà, không gà, cũng vịt”. Dân Việt Nam lại rất hiếu khách, trọng bạn, ta biểu lộ qua cách đãi khách ăn cơm. Sang đãi theo lối sang, hèn đãi theo lối hèn. Còn như cụ Nguyễn Khuyến, chắc có tâm sự gì nên mới khước từ, dầu chỉ cần đãi một bữa cơm thanh đạm:

*“Đã bấy lâu nay bác tới nhà
Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa
Ao sâu nước cả, khôn chài cá
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà
Cải chửa ra cây, cà mới nụ
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa
Đầu trò tiếp khách, trầu không có
Bác đến chơi đây ta với ta!”*

Cái kiêu đồ thừa này thì quá đáng luôn, ai mà tin!

Chứ gặp người hiếu khách, thích nhậu thịt chó thì chủ nhà cũng sẵn sàng đãi cho một bữa thịt cây! Nào là dồi chó, rựa mặn, tiết canh, cháo đậu xanh, rồi ngâm nga “sống trên đời không ăn miếng dồi chó, chết xuống âm phủ không có mà ăn”.

Khi được mời đi ăn giỗ, cũng lo đóng bộ đồ “vía” đi cho lè lẹ, vì “Ăn giỗ đi trước, lội nước đi sau”. Có kẻ còn ghi lịch coi ngày nào, nhà chú Tư có kỵ, ngày nào nhà bác Bảy có giỗ, nhà thằng Tư vợ mới sanh, coi chừng quên ngày ăn đầy tháng của con nó! Những kẻ không được mời tiệc, nhưng vẫn cứ đến thì được gọi “ăn chực”

Mỗi người có một cách ăn khác nhau. Có kẻ ăn chậm, có người ăn mau, có kẻ không nhai mà nuốt, có kẻ ăn hấp tấp như chết đói lâu năm, có cậu ăn như cọp, có cô ăn như mèo, “nam thực như hổ, nữ thực như miêu”.

Chuyện tiểu lâm kể rằng có một anh chàng có thói ăn hấp tấp như sợ người khác ăn mất phần, chị vợ lấy làm xấu hổ với bạn bè. Một hôm có người mời hai vợ chồng ăn cỗ. Sợ chồng lại quen thói ăn uống “phàm phu tục tử”, nên chị vợ nghĩ ra một kế. Chị mới nói với chồng “em cột một sợi dây vào chân của mình, khi nào em giật một cái, mình mới gấp bỏ vào mồm một miếng, OK? Anh chồng gật gù đồng ý vì vợ đã nhiều lần cảnh cáo thói ăn xấu của anh. Ngoài ra, anh lúc nào cũng phục tài thông minh của vợ, mêm mình thì lúc nào cũng phải nghe theo vợ bầy cách “học ăn, học nói, học gói, học xách.

Lúc mới nhập tiệc, mọi chuyện suông sẻ. Chị vợ cứ vừa ăn, vừa giật dây từ từ, anh chồng cứ thế mà nhip nhàng làm theo. Nhưng bỗng đâu một chú gà quái ác xuất hiện, đang tìm mồi ngoài sân, nó thấy cơm vương vãi dưới chân anh chồng, vì anh này ngoài tật ăn ngẫu nhiên, còn có tánh xấu khác “ăn vãi như gà”. Con gà chạy ngay vào chân anh để kiểm chác. Con gà háo ăn, vừa mổ cơm hột này chưa xong, hột khác rơi xuống, chân nó bị mắc vào sợi dây, con gà cố dẩy dựa để thoát ra. Anh chồng thấy cái dây cột ở chân mình cứ giật lia lịa, tưởng vợ cho mình ăn thả dàn, và chắc giục ăn nhanh nhanh kéo hết đồ ăn, nên anh ta gấp ào ào. Bao nhiêu thức ăn, anh tọng vào họng theo cái đà giật của sợi dây! Anh trở thành đê tài “ăn như heo”!

Ăn kiểu cách thì chắc chắn các anh chàng cựu sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam còn nhớ lúc còn là Tân Khóa Sinh, các anh được huấn luyện ăn “vuông góc”. Đưa cơm từ ngoài vào miệng, với tay cầm chén phải bẻ thẳng góc! Ăn không đúng cách thì lãnh đủ với khóa đàn anh!

Các người quyền quý như vua chúa, cũng phải tập ăn, tập uống cho đúng với nếp sống của những bậc đế vương. Họ ăn toàn nem công, chả phụng, râu rồng. Con công thì hầu như ai cũng thấy. Thế nhưng con phụng, con rồng không biết tìm đâu ra để nấu cho mấy hoàng đế?!”

Có tiền ăn uống cầu kỳ, không tiền “ăn quấy, ăn quá” cho xong bữa. Những kẻ trở mặt, ta gán cho câu “Ăn cháo, đá bát”. “Ăn” rất quan trọng lại đi đôi với “nói” càng quan trọng hơn, nên ta có câu “ăn một đọi cơm, nói một đọi máu”. Nếu một dân tộc chỉ toàn thứ “ăn dơ, ở bẩn” hay ăn hại, đái nát” chỉ làm cho nước mất nhà tan, như Việt Cộng. Còn những phường “ăn xỏ, ở thì”, lại sanh ra lắm tội ác như trộm cướp. Lại có những người sinh hoạt trong cộng đồng, không nề hà khó khăn thì được cho là “ăn cơm nhà, đi vác ngà voi”.

“Ăn” lại đi đôi với “uống”. Ăn uống, hay đi đôi với cách phục sức “ăn mặc”, lại cũng đi song song với trộm, ăn trộm, ăn cắp, ăn nằm, ăn vạ... Có máu cò bạc, thức cả đêm để “ăn thua đủ”. Những bà vợ không làm gì, “ăn không, ngồi rồi”, chỉ nhong nhong đi rông, làm khổ ông chồng vì “ngồi không, ăn núi cũng lở”. Thế nhưng khi yêu, thì người ta chấp nhận mọi thứ, cả tính tốt, lẫn tính xấu:

*“Lỡ mũi em mười tám gánh lông,
chồng thương chồng bảo râu rồng trời cho.*

*Đêm nằm thì ngáy kho kho,
chồng thương chồng bảo gáy cho vui nhà.*

*Ra đường thì hay ăn quà,
chồng thương chồng bảo về nhà đỡ cơm.*

*Trên đâu những rác cùng rom,
chồng thương chồng bảo hoa thơm cài đầu.”*

Nói về “ăn hàng” thì phải nhắc tới các cô nữ sinh, là chúa tể ăn hàng! Các nàng giấu dưới học bàn nào là me dốt, ỏi xá li, xí muội, trái cóc ngâm dấm đường, vừa ăn lén vừa cười khúc khích, cho đến khi bị thầy giáo bắt gắp cho ăn trứng hột vịt mới ngưng.

Có người có thú vui “ăn vụng” nữa. Chuyện kể có một gia đình nọ, cả mẹ chồng lẫn nàng dâu đều có tật ăn vụng. Một hôm, thấy con ở, kho một nồi thịt ngon quá, bà mẹ chồng bèn xúc một chén to tổ bố ra ngoài bờ lúa để ăn cho đã. Đứa con

dâu cũng lén lấy một bát to không kém, cũng chạy ra bỏ lúa. Ai dè, vừa ra đến nơi, cô dâu thấy bà mẹ chồng hì húp húp lấy, húp để chén thịt kho. Cô dâu mắc cỡ quá, nhưng nhanh trí nói

- “Tuồng mẹ ăn hết rồi, con đem thêm cho mẹ tô khác nè!”

Bà mẹ chồng cho cô là “ăn ngay ở thật” có hiểu.

Ăn vụng còn được gọi là “ăn chùng”, ngoài mặt rất tỉnh, ai biết được “ma ăn cỗ”. Biết được chồng ăn cỗ một mình, cô vợ cũng không vừa, trả thù cho anh chồng biết tay. Con ở thấy câu mợ chửi, không ai nhin ai, nên tức mình cũng muốn “thi đua” “ông ăn chả, bà ăn nem, con ở có thêm mua thịt mà ăn”.

Nghèo quá mà không tìm ra được việc làm thì “ăn mày, ăn xin, ăn mót”. Những kẻ nóng tính, gặp chuyện gì không vừa ý, như bị “ăn quít, thì phùng mang, trợn mắt đòi “ăn gan uống máu” kẻ thù. Nhưng phần đông loại người này phần đông miệng hùm gan sù mà thôi.

Chúng ta lúc nào cũng nên tâm niệm “ăn hiền, gặp lành”, tha thứ cho những kẻ “ăn ngược, nói ngược”, hay “ăn ở thất đức”, có thể kẻ đó trẻ người non dạ “ăn chưa no, lo chưa tới”.

Ai may mắn được đẻ bọc điều, nhỏ được nuông chiều, muốn gì được nấy, lúc lớn lên, con đường công danh sự nghiệp cũng được thành công, nhân hạ “ngồi nhà mát, ăn bát vàng”, lúc nào cũng “ăn trên ngồi tróc”, “ăn trên đầu trên cổ” người khác. Nhưng “ăn” kiểu này, coi chừng lại rắc rối vì “ăn ít no lâu, ăn nhiều tức bụng”, nên hãy lấy câu “ăn chắc, mặc bền”, “ăn ở có hậu” vẫn hơn.

Cách ăn có nhiều cách. Dân Tây, dân Mỹ ăn bằng muỗng nĩa, dân Lào ăn bốc, dân Ta ăn bằng đũa. Ăn nhanh quá được coi là không sang, nhưng ăn chậm cũng bị thiệt thòi, như trong nhà tù Cộng Sản, gọi là “tù cải tạo”, ăn chậm chạp cho sang, thì làm gì còn thức ăn mà ăn! Mấy cậu thư sinh lười biếng bị chê bai “dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm”, chỉ tốn cơm mà thôi. Không phải ai mập mới ăn cơm nhiều, mà có nhiều người, kể cả đàn ông lẫn đàn bà “người gầy thầy cơm”. Người khôn

khéo thì không lo thiếu ăn, thiếu mặc vì “khéo ăn thì no, khéo co thì ấm”. Con nít mới lớn, chắc chắn không biết câu này vì thân thể chúng cần phát triển, nên chúng “ăn như tầm ăn dâu”, ăn cả ngày. Những người hay ăn đêm được ví như “vạc ăn đêm”.

*“Con cò mà đi ăn đêm,
đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao,
ông ơi ông với tôi nao,
tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng,
có xáo thì xáo nước trong,
đừng xáo nước đục đau lòng cò con.”*

Măng hầm là một món ăn rất khoái khẩu, măng xáo vịt rất ngon, không biết măng xáo cò có ngon như thế không? Người khôn ngoan biết suy xét “ăn cây nào, rào cây nấy”, hay những kẻ biết ơn “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Mặc dầu “tiếng chào cao hơn mâm cỗ” nhưng được mời ăn tiệc ai cũng khoái vì “một miếng giữa làng, bằng một sàng xó bếp”.

Bữa tiệc có nhiều thức ăn nhất phải kể đến những bữa tiệc cưới. Nếu ăn ở nhà hàng Tàu, ăn ít nhất là chín món, nào ăn chơi, ăn thiệt, ăn tráng miệng. Lúc mới nhập tiệc, ai cũng đang đói bụng, vì tiệc cưới thường thường bị trễ cỡ hai tiếng, theo giờ cao su không bao giờ có thể sửa đổi được của dân ta. Những món đầu tiên hay ăn hết nhanh, sau đó cái bao tử đã đầy, nên những món sau bị ế. Mỗi lần người Mỹ được mời dự đám cưới của người Việt, họ đều trầm trở về buổi tiệc quá thịnh soạn của ta. Người ta có câu “Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật”. (Nhiều tiệc cưới của Việt Nam cũng đặt ở nhà hàng Tàu). Tuy nhiên, cứ nhìn mấy món ăn Tàu, chứa đầy chất béo, nếu cứ ăn tì tì, chắc chắn sẽ “hui nhị tì” sớm. Tiệc cưới là nơi người ta được ăn uống, cười đùa thỏa thích, và cũng là nơi khoe quần áo đẹp. Mặc dù có câu “ai chê đám cưới, ai cười đám ma” tuy nhiên, khen chê là quyền của khách. Ngoài việc khen chê chú rể, cô dâu sang, đẹp, hay chê không xứng đôi

vừa lúa, việc khen chê món ăn là chuyện cũng bình thường, như “menu ngon quá, ai chọn khéo đấy, hay “đồ ăn ẹ quá, không món nào ăn được, đúng là thứ hà tiện, chọn toàn toàn thứ không ăn nổi v...v”.

Nói về ăn, không thể không nhắc tới Tết Nguyên Đán vì ta có câu “đói ngày giỗ cha, no ba ngày Tết”. Đây là ngày lễ trọng đại nhất của người Việt Nam, là dịp mà thức ăn được chuẩn bị tối đa. Nào là bánh chưng, bánh tét, bánh dày, nem, chả, mứt, trái cây... Mỗi ngày một mâm cỗ, lớp cúng người chết, lớp đãi người sống. Dân ta không phải như người Mỹ, ăn Tết chỉ có một ngày, hay ba ngày như câu “Ba ngày Tết”, mà ăn cả tháng vẫn còn ăn đúng với câu ca dao “Tháng Giêng là tháng ăn chơi”. Nhất là ở hải ngoại, nhiều hội đoàn, đoàn thể chia nhau các cuối tuần để ăn Tết. Hết tất niên, tới tân niên, tuần nào cũng có “tiệc xuân”. Nhiều người bạn Mỹ đã thắc mắc, “sao tao nghe “you” ăn Tết hoài vậy?”

Nơi có nhiều món ăn nữa là đám giỗ, đám kỵ. Không tiền làm tiệc lớn, cũng phải chạy đôn, chạy đáo để làm mâm cơm nho nhỏ cúng người khuất mặt, cho ông bà mát ruột. Rõ ràng ma làm sao ăn cỗ được, nên có câu mỉa mai “Sống chẳng cho ăn, chết làm văn tế ruồi”. Có nghĩa là ruồi được ăn cỗ một bữa no nê.

Ngày xưa mỗi lần học trò về nhà ăn giỗ, cha mẹ hay gói bánh trái để con trẻ biếu cho thầy giáo làng để tỏ lòng biết ơn đã dạy dỗ con mình, nên mới có câu chuyện “Một chú bé lớp ba được mẹ gói mười cái bánh ít, đem lên trường tặng thầy”. Đến nơi, không còn một cái nào, cậu thưa với thầy rằng:

- Má con gửi cho thầy mười cái bánh ít, nhưng dọc đường “con ăn một cái còn chín. Con nhìn một cái còn tám. Con bằm một cái còn bảy. Con thấy một cái còn sáu. Con háu một cái còn năm. Con thăm một cái còn bốn. Con ngón một cái còn ba. Con tha một cái còn hai. Con nhai một cái còn một. Con lột một cái nữa...hết tron!”

Có lẽ trên đường đi mấy cái bánh ít lá gai hấp dẫn này ám ảnh cậu dữ lắm! Cái ăn đôi lúc làm người ta lâm vào cảnh trầm đường khốn khổ. Cứ hỏi mấy người tù “cải tạo” thì rõ! Có ai biết cách đầy đọa cái bao tử con người bằng Việt Cộng “đói thì đầu gối phải bò”. Ai từng ở trong các nhà tù Cộng Sản mà không mơ tưởng tới miếng ăn. Đã có nhiều cựu tù nhân CS tâm sự “cái gì nhúc nhích đều ăn được” thì thấy ngay miếng ăn lúc ấy nó quan trọng đến dường nào! Đọc cuốn “Trại Đầm Đùn”, ta thấy chế độ dã man của Cộng Sản, khiến người ta lúc nào cũng nhớ đến một thứ là miếng ăn. Ta mới ứa lệ nhớ đến cơ cực, đói khát của những tù nhân chính trị, quân dân, cán chính Việt Nam Cộng Hòa, bị thất thế, sa cơ, mà Cộng Sản đã hành hạ, trải thù sau khi cưỡng chiếm miền Nam 30-4-1975, bị những cơn đói trên miền hành hạ.

Đói làm người ta mờ mắt, khó giữ nổi tư cách, lý trí, chỉ còn bản năng sinh tồn mà thôi. Đó là trong những trường hợp tuyệt vọng đắm tàu ngoài biển khơi, người ta phải ăn thịt kẻ xấu số chết trước để được sống sót.

Ăn uống quá phàm phu tục tử, được coi như “ăn lông, ở lỗ”, như người tiền sử. Các người làm việc không có giờ giấc, ăn uống thất thường, đụng gì ăn nấy gọi là “ăn quấy, ăn quá”, “ăn qua loa”, hay “ăn ba hột” dần bụng.

Không phải lúc nào người ta cũng ăn những món ngon ngọt, mà nhiều lúc trong đời phải “ăn đắng, nuốt cay” có khi nghĩa bóng, như đau khổ tột cùng mà không biết ngõ cùng ai. Nghĩa đen thì như ăn ớt. Ớt là một thứ rất cay, có loại cay xé họng, chứ đâu ngon lành gì, thế mà có người ghiền, không có ớt, không nuốt trôi cơm.

Ở Việt Nam khi xưa, chế độ thi cử khó khăn, muốn lấy được một mảnh bằng, phải trầy da tróc vẩy, không được phúc ông bà thi rớt, cái cảm giác lúc ấy là “thi không ăn ớt thế mà cay”. Lại có những món ăn người đời chỉ mơ ước nhưng chỉ tưởng thượng thôi, nghèo quá phải “ăn cá gỏi”, giàu thì mơ ăn

trái đào tiên để sống dài, sống dai, sống dờ, không chết.

Nếu nói về món ăn thì nói cả ngày chưa hết chuyện, chỉ biết rằng “ăn” là đệ nhất khoái, trong tứ khoái “ăn, ngủ, làm tình, và đại tiện”. Sống mạnh khỏe ai cũng muốn ăn đã đành, mà khi bệnh hoạn, bác sĩ cũng phải đặt một cái ống vào mũi, hay vào cổ họng để chuyển thức ăn vào thân thể để nuôi sống bệnh nhân. Ngay cả lúc sắp bị máy chém cửa cổ, tên tử tội còn được nhà tù đãi cho bữa cơm cuối cùng có rượu ngon thịt béo. Ngay cả khi chết rồi, thân nhân cũng cúng quảy cho khỏi đói khát ở chốn âm ty. Chưa hết đâu, xuống âm phủ mà chưa được Diêm Vương thân nhận, con ma sẽ được ăn cháo lú, trước khi bị trả về dương thế, để khỏi thèo lẻo những điều mắt thấy tai nghe ở chín tầng địa ngục. Đó! Người ta ăn từ lúc sinh ra đời, tới sau khi chết vẫn còn ăn!

Ở Mỹ này ta không còn được hưởng cái thú “ăn đêm”, như sau khi đi xi nê ra, đi ăn cháo gà, ăn phở, ăn bánh cuốn, ăn vịt lộn v...v... như ở quê nhà. Không cần đi xa, đã có người gánh hàng rong đi qua ngõ trong đêm khuya. Tiếng ra lanh lảnh, mời mọc mới thu hút làm sao! “Phở đây!” “Vịt lộn đây”. Ôi những bát phở đêm sao mà ngọt lịm. Những trứng vịt lộn, nóng phồng môi, vừ húp, vừa hút, vừa xuýt xoa thổi! Lại còn những gánh chè ban đêm. Nào chè hột sen, nào chè trôi nước. Còn ăn sáng, ăn trưa thì khỏi nói, đầu làng, cuối xóm, góc phố nào cũng đầy, không cần mở tiệm, như xôi đậu xanh, xôi gấc, xôi đậu đen, bánh bèo, bánh xèo, nem nướng. Buổi trưa có gánh bún cá ngừ, kê vào trong sân, ăn một tô vừa béo, vừa thơm. Món bò viên thì khỏi nói, ăn tới đâu, đã tới đó! Người gánh hàng rong, chỉ cần tráng cái tô nhỏ vào bát nước đục ngẫu đã rửa cả mấy chục lần, rồi dùng cái khăn lau chén, chắc cũng xài cả trăm lần trong ngày, cũng chẳng thấy ai phàn nàn hay chê dơ dáy gì cả!

Món ăn Việt Nam nhiều vô số kể, mỗi thứ mỗi khác. Chứ không như ở Mỹ, nơi nào cũng chỉ hamburger, hot dog, chỗ chợ nào cũng chỉ bày nhiều thứ trái cây. Chứ không phải như

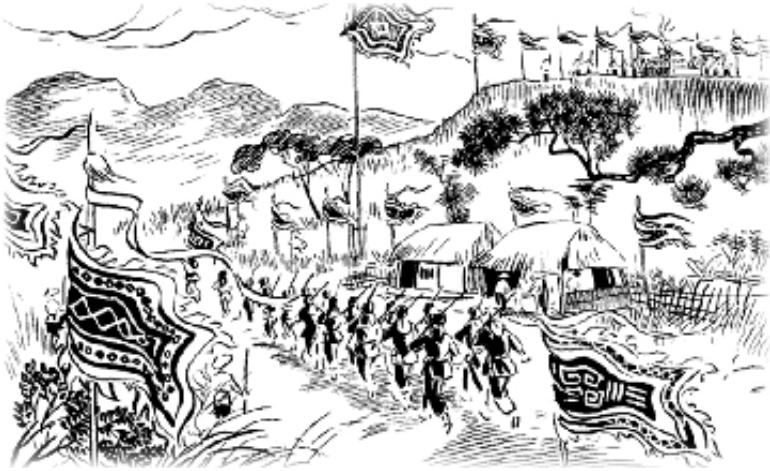
ở xứ ta, Bắc có món Bắc, Trung có món Trung, Nam có món Nam. Chỉ cần nói món bún, là có cả hơn 10 thứ khác nhau: Bún bò, bún thang, bún ốc, bún bung, bún thịt nướng, bún riêu... Món gói cũng nhiều không kém: Gói tôm, gói sứa, gói gà, gói cá, gói ốc v...v... không có đủ bụng để ăn!

Nội loanh quanh ở chợ Bến Thành, cũng có thể ăn hàng trăm món. Chỉ cần ngồi xuống cái đầu nhỏ là ta có thể thưởng thức những đĩa bánh hỏi, chạo tôm, bún sông, bún tôm nướng, chè cháo, ngón vào miệng món chả cá vừa dai, vừa giòn, chả giò nóng hôi, ăn hoài không ngán. Nem chua chín tới, nhai dòn sừng sứt. Đi một vòng qua phố, ngừng lại ăn những miếng phở lấu thơm lừng, chêm vào một ly nước mía. Ôi! đúng là “sống để mà ăn!”

Ban đêm ra bến Bạch Đằng hóng mát, nhai vài miếng mực khô trét tương ớt, hay đưa cay bằng mấy miếng xoài tượng, hay cóc ngâm cơm thảo, chua chua, ngọt ngọt, thấy đời thú vị biết bao nhiêu

Trong khi chờ một ngày thanh bình được trở về quê cũ, thưởng thức những món ăn thuần túy dân tộc (chỉ cần nghĩ đến thôi, là nước miếng đã ứa đầy trong miệng), chúng ta hãy tạm thời nuốt những cái hamburger, nhâm nhi ly coca cola, để lòng thấm thía nỗi buồn xa quê hương, có một thiên đường ăn uống tuyệt vời nhất trên thế gian!





Hiên Thân Cứu Chúa

Nguyễn Minh Thanh, K22 biên soạn

- Kỷ Tín - - 240 TCN

- Lê Lai - - 1418

Trong bài Hịch Tướng Sĩ của Hưng Đạo Vương mở đầu có câu: “Dù thường văn chi, Kỷ Tín dữ thân đại tử nhi thoát Cao Đế...” (Ta thường nghe Kỷ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế....)

Trong truyện Lê Lai, theo Đại Việt Thông Sử chép rằng trước tình thế nguy cấp, Lê Lợi họp các tướng lại hỏi:

- Nay thế trận nguy hiểm có ai dám bắt chước Kỷ Tín đời Hán, thân khoác hoàng bào mà chết thay ta không?

Các tướng ngồi yên không ai dám thưa. Duy, chỉ có Lê Lai đồng dặc đứng dậy nói:

- Thần nay nguyện tử trận thay cho Chúa Công...

Vậy, Kỷ Tín là ai? Lê Lai là ai? Và Lê Lai so với Kỷ Tín, ai dũng khí hơn ai? Ai anh hùng hơn ai??

Dưới đây là Lược Truyện Kỷ Tín và Lược Truyện Lê Lai. Sau hết là Lời Phụ Bản với ba bài thơ ca tụng dũng Tướng Lê Lai của người biên soạn.

I - Lược truyện Kỷ Tín:

Vào năm 240 Trước Công Nguyên, khi Hán Vương bị Hạng Vương vây hãm ở thành Huỳnh Dương ngặt nghèo, bèn gọi Trương Lương, Trần Bình vào nghị kế. Trần Bình tâu:

- Tôi có một kế có thể phá được vòng vây này, song chỉ sợ ở đây không có bậc trung thần nào dám chịu nạn cho Đại vương.

Chu Bột và các võ tướng đều nói:

- Sao ngài lại khi thị chúng tướng như vậy? Chúng tôi theo phò Chúa Thượng đã lâu, đâu phải bỏ thầy không tiếc.

Trần Bình vừa cười vừa nói:

- Cái đó chỉ là kế sâu xa, có lẽ các ngài chưa hiểu ý tôi.

Hán Vương hỏi:

- Tiên sinh có kế chi xin nói ra đây cho mọi người bàn luận.

Trần Bình ghé vào tai Hán Vương nói nhỏ... như vậy... như vậy... Hán Vương khen phải và nói:

- Kế đó rất hay. Trương Lương cố gắng thực hiện mới được.

Trương Lương tuân lệnh về dinh mở tiệc rượu mời các tướng đến dự. Các tướng lần lượt đến, thấy giữa phòng tiệc có treo một bức tranh lớn, vẽ một chiếc xe trong đó có người ngồi, phía sau có hai trăm quân kỵ đuổi theo rất gấp. Đằng trước là một khu rừng rậm. Trong rừng có một người đang nấp. Các tướng không rõ bức tranh ấy có ý nghĩa gì, tại sao lại đem treo trong phòng tiệc, bèn hỏi Trương Lương. Trương Lương liền đáp:

- Ngày xưa vua Cảnh Công nước Tề đánh nhau với quân Tấn. Cảnh Công thua to, quân sĩ đều trốn hết, họ bỏ Cảnh Công ngồi một mình trong xe. May có một nông phu trông thấy vội đẩy xe cho Cảnh Công đi trốn. Tuy nhiên, quân Tấn

đuổi theo rất ngặt, khó mà trốn thoát nổi.

Người nông phu nói:

- “Nguy đến nơi rồi. Chúa Công nên đưa áo quần cho tôi mặc, tôi sẽ ngồi nơi xe này mà chịu chết thay cho Chúa Công. Còn Chúa Công nên trốn vào rừng thoát nạn.”

Cảnh Công nói:

- “Ta được thoát nạn mà nhà ngươi bị giết. Ta sao đành.”

Người nông phu lại nói:

- “Tôi chết đi như rừng rậm mất một cây nhỏ. Còn Chúa Công mất là giang san nước Tề sẽ phải mất, xin Chúa Công xét nghĩ.”

Cảnh Công theo lời, đổi quần áo cho nông phu rồi trốn vào rừng và thoát nạn.....”

Các tướng nghe nói, mặt mày ngơ ngác chưa hiểu ý. Trương Lương nói tiếp:

- Ấy, nhờ người nông phu mà sau này Cảnh Công dựng nên nghiệp Bá, tiếng đề sử xanh, ngày nay vẫn còn khen ngợi. Nay Chúa Thượng ta ngộ nạn, chẳng khác như Cảnh Công, thế mà không ai bắt chước cái việc làm của người nông phu. Vì vậy tôi treo bức tranh này lên để cùng xem.

Các tướng nghe nói đều hăng hái đứng dậy nhìn nhau tỏ vẻ can trường:

- Cha có nạn con chết thay, vua có nạn tôi chết thay. Chúng tôi xin đem thân chết thay Chúa Thượng, để cứu Chúa Thượng thoát khỏi trận Huỳnh Dương này.

Trương Lương nói:

- Các ông có lòng trung nghĩa thật đáng khen. Song hiện nay chỉ cần một người diện mạo giống Chúa Thượng mà thôi. Người đó là Kỷ Tín. Chẳng biết Kỷ Tướng Quân có vui lòng chẳng?

Kỷ Tín nói:

- Đó là ý nguyện của tôi, đầu phải tan xương nát thịt tôi cũng vui lòng.

Trương Lương và Trần Bình mừng rỡ, đưa Kỷ Tín vào ra mắt Hán Vương tâu bày tự sự. Hán Vương nói:

- Việc đó không nên, Lưu Bang này chưa làm nên nghiệp lớn, các người làm tôi chưa có ân huệ nào, nay nếu bắt Kỷ Tín tướng quân bị nạn thay ta, để ta tìm đường trốn, ấy là việc làm hại người, ích mình, lòng ta không nỡ.

Kỷ Tín nói:

- Việc đã gặp lăm rồi, nếu tôi không chịu nguy hiểm thì mai kia thành vỡ, đá tan, cả vua tôi đều chết. Cái chết của tôi ngày nay ích lợi hơn ngày mai rất nhiều. Tuy tôi chết mà danh tôi còn mãi trong dân chúng, tình tôi còn mãi trong lòng Đại Vương.

Khi đó Hán Vương vẫn còn giả cách dùng dằng không nỡ, không nỡ.... Kỷ Tín rút gươm kề cổ nói lớn:

- Nếu Đại Vương không nghe, tôi xin tự tử nơi đây để tỏ rằng tôi không tiếc gì tính mệnh.

Hán Vương liền bước xuống đỡ tay Kỷ Tín, vừa khóc (*nước mắt cá sấu*), vừa nói:

- Lòng tướng quân rất mực trung thành, danh tiếng ấy muôn đời còn lưu. Chẳng hay tướng quân còn song thân chăng?..

II - Lược truyện Lê Lai:

Lê Lai không rõ năm sanh, người Mường, con của Lê Kiều, Huyện Lương Giang, Thanh Hóa. Lê Lai có dung mạo khác thường, tính tình cương trực, có chí khí. Năm 1416, Lê Lai, với Lê Lợi (chủ sự) cùng với 17 Hào Kiệt hội thề ở Lũng Nhai, Thanh Hóa. Thề sống chết có nhau, nguyện quyết tâm chung sức đánh đuổi quân Minh xâm lược, cứu dân cứu nước.

Từ khi khởi nghĩa, Lê Lai luôn ở bên cạnh Lê Lợi; góp

công sức giúp Bình Định Vương với chức Đô Tổng Quản, tước Nội Hầu. Ông cũng từng xông pha nhiều trận nguy hiểm.

Tháng 4, năm 1418, nghĩa quân Lê Lợi bị thua ở Mùng Một, cùng nhau chạy thoát về Trịnh Cao. Quân Minh truy kích, đuổi theo rất ngặt và vây chặt các lối hiểm yếu thuộc vùng núi Chí linh. Trong tình thế nguy cấp, Lê Lợi họp các tướng lại hỏi:

- Nay thế trận rất nguy hiểm, có ai dám bắt chước Kỷ Tín đòi Hán, thân khoác Hoàng Bào mà chết thay ta không?

Các tướng ngồi yên không ai dám thưa. Duy, chỉ có Lê Lai đứng dậy đồng dạ nói:

- Thần nay nguyện tử trận thay cho Chúa Công. Ví như sau này giành được giang san thì xin nhớ công lao của thần, khiến cho con cháu muôn đời được hưởng quốc ân. Được vậy, thần chết cũng nhắm mắt.

Lê Lợi rất thương cảm bù ngùi... Lê Lai lại nói:

- Tình hình nguy khốn, nếu ngồi khur khur, quân thần chung mạng thì bao công sức đây sẽ chẳng còn gì. Nếu theo kế này may ra thoát được. Kẻ trung thần chết vì nước, nào có tiếc gì?

Lê Lợi mới vái trời và khấn rằng:

- Lê Lai có công đổi áo. Nếu sau này khôi phục được nghiệp xưa, nếu không nhớ công lao ấy thì xin cho cung điện biến thành rừng núi, ấn triện biến thành cục đồng, gương thần biến thành dao cùn.

Ngay sau đó, Lê Lai khoác hoàng bào giả làm Lê Lợi và vâng mệnh mang hai thớt voi với 500 quân xông ra khêu chiến. Giặc Minh liền xua quân đánh. Lê Lai thúc ngựa xông thẳng vào trận và la lớn:

- Ta là chúa Lam Sơn đây!

Ngờ là Bình Định Vương Lê Lợi, giặc Minh xúm lại bao vây và kịch chiến. Lê Lai tả xông hữu đột giết giặc một hồi rồi

kiệt sức, bị giặc Minh bắt và hành cực hình. Hôm ấy ngày 29 tháng 4 âm lịch năm 1418 (có chỗ chép 1919).

Nhân lúc việc vây hãm của giặc lơ lửng, do bận đối phó với Lê Lai. Lê Lợi cùng một số tướng đã vượt trùng vi bằng lối khác và trốn thoát... Sau đó, Lê Lợi đã làm nên nghiệp cả...

Cảm động trước lòng trung nghĩa của Lê Lai, Lê Lợi cho người tìm thi hài Ông đem về an táng ở vùng đất Lam Sơn.

Năm 1428, sau khi lên ngôi an vị, Lê Thái Tổ cho truy tặng Ông là: “Sùng Trung Đồng Đức Hiệp Mưu Bảo Chính Lũng Nhai Công Thần”. Các đời vua Lê tiếp theo đều có truy tặng Ông. Đến đời vua Lê Thánh Tông, Lê Lai được truy tặng cao nhất là: “Trung Túc Vương”.

Lê Thái Tổ mất ngày 22 tháng 8 nhuận Âm lịch 1433, trước khi mất vua có dặn phải giỗ kỵ tướng Lê Lai trước vua một ngày. Nên dân gian có câu: “Hãm một Lê Lai, hãm hai Lê Lợi”. Vua Tự Đức ca ngợi Lê Lai:

Vịnh Lê Lai

Chí Linh sơn hạ tứ sơn u
Tự trước hoàng bào cuống Sở Hầu
Tha nhật Đông Đô tân xã tắc
Khẳng (khắc) giao Kỷ - Tín độc an Lưu?

Vua TỰ - ĐỨC

Dịch nghĩa:

Dưới núi Chí Linh bốn bề thâm u (chỉ giặc Minh bao vây)
Tự mặc Hoàng bào làm cho Sở Hầu (Hạng Võ) mắc mưu
Ngày sau Đông Đô xã tắc đổi mới
Đâu phải chỉ có chuyện Kỷ Tín cứu Lưu Bang (mà còn có chuyện Lê Lai cứu Lê Lợi)

VỊNH LÊ LAI

*Giặc dữ trùng trùng vây Chí Linh
Hoàng Bào thay Chúa quyết hy sinh*

*Đông Đô đại định ghi công lớn
Kỷ Tín chẳng riêng chuyện hiển mình.*

Nguyễn Minh Thanh thoát dịch.

III - Lời bàn: Qua hai tiểu truyện Kỷ Tín và Lê Lai, cả hai đều đem chính sinh mệnh của mình để cứu Chúa, vô cùng can đảm, can đảm phi thường. Nhưng, rõ ràng trong cung cách: Lê Lai gan liền tướng quân. So với Kỷ Tín, Lê Lai dũng khí cao vời.

Không như Kỷ Tín phải qua sự dàn cảnh dựng chuyện của Trần Bình, Trương Lương và Lưu Bang, là những tay gian hùng thượng thặng. Để khích tướng, để đẩy người khác chết thay cho mình bằng bức tranh Tề Cảnh Công chạy trốn...

Sau khi cùng các tướng “xem tranh” và bị Trương Lương nêu đích thị danh tánh, bị du vào thế chằng đặng đùng, Kỷ Tín mới tình nguyện hy sinh.

Đằng này, khác xa Kỷ Tín, vừa nghe Bình Định Vương gợi ý, Lê Lai lẫm liệt đứng phắt dậy đồng dạ ứng tiếng tình nguyện tử trận thay chúa tức thì. Ấy chính là:

Cảm quân ân trọng hứa khinh mệnh
Thái Sơn nhất trịch khinh Hồng Mao

Lý Bạch

*(Cảm lòng ơn chúa trọng cao
Thái Sơn xem tựa Hồng Mao nhẹ hều)*

Nguyễn Minh Thanh dịch

Ngoài ra, căn cứ theo hai tích truyện vừa kể trên, thì Lê Lợi cũng rất minh bạch trong việc nhờ người “Tự trước Hoàng bào” thay chết cho mình. Không như Lưu Bang quanh co xảo trá... Mọi việc đã xếp đặt đúng theo mưu mô cố ý. Lưu Bang còn giả ân giả nghĩa, giọng lưỡi của gian hùng: “...lòng ta không nở, không nở...”.

Ôi, lòng dạ Người Xưa với Người Nay (Vụ Cải Cách

Ruộng Đất 1954 - 1956 miền Bắc của nước VN, HCM chậm nước mắt) sao mà giống nhau lắm vậy...!!

Lê Lai, Lê Lợi những anh hùng đứng nghĩa, những tấm lòng cao cả xán lạn, tựa trăng rằm chênh chếch trên trời cao. Đúng là:

“Minh Quân Lương Tể tao hùng dị...”

Xin nghiêng mình kính cẩn ngưỡng mộ Cổ Nhân, người đã liều thân cứu chúa, góp công bằng chính mạng sống trong đại cuộc giải cứu giống nòi. Dù mệnh tuy yếu, nhưng danh ấy thọ. Phương danh đã và đang thi đua tồn tại mãi với núi sông Lạc Hồng...

Cảm kích trước sự hy sinh vì đại nghĩa, người biên soạn có bài thơ nhỏ để “Trân trọng tưởng niệm đảng Anh Hùng Lê Lai với sự nghiệp lớn”:

Anh Hùng Lê Lai

*Trích huyết hội thề tại Lũng Nhai**

Ban sơ hào kiệt có Lê Lai

Phương phi mỹ mạo lòng trong sáng

Lẫm liệt anh tài dạ thẳng ngay

Tận lực giúp vua lo nội vụ

Hy sinh cứu chúa thoát trùng vây

Can trường khí phách cây cao vọi

Trên đỉnh Lam Sơn bóng trải dài...

Trải dài bóng cả đất Lam sơn

Cứu chúa vong thân dạ chẳng sờn

Lương tướng thơm danh vì đại nghĩa

Minh quân nức tiếng trọng thâm ân

Kinh - Kha Yên khách so còn kém

Kỷ - Tín Hán thân sánh chẳng hơn

Lớp sóng phé hưng rừng đôi lá

Thiên thu còn đó tấm lòng son..!!

Nguyễn Minh Thanh

IV - Luận Điểm:

Bài “Hiển Thân Cứu Chúa“, ngoài việc xiển dương anh hùng Lê Lai, người viết còn muốn trình bày một vấn nạn lớn của dân tộc VN ta. Đó là vấn đề “Thoát Trung”... Thoát Trung là chủ đề lớn, cần thời gian và hợp lực của nhiều thế hệ...

Đồng ý rằng Trung Quốc có nhiều điều vượt trội VN. Tuy nhiên, VN cũng có những cái Trung Quốc không thể sánh bằng. Ví dụ như: Lê Lai - Kỷ Tín. Ví dụ như: Phạm Hồng Thái- Kinh Kha là hai nhà thích khách.

- Phạm Hồng Thái: thích khách vì đại cuộc, mục đích giải cứu giống nòi...

- Kinh Kha: thích khách chỉ vì trả nợ áo cơm... Thế mà Kinh Kha được biết nhiều, nhắc đến nhiều... Chẳng hạn, trong bài ca “Hàng Hàng Lốp Lốp” của Nhạc Sĩ Nguyễn Văn Đông có câu:

*“Hàng hàng lốp lốp chưa về
Hàng hàng nối tiếp câu thơ
Nhìn anh muốn nói chuyện người Kinh Kha...”*

Sao Nhạc Sĩ Nguyễn Văn Đông không dùng:

“Nhìn anh muốn nói chuyện người Châu Giang...” để “Thoát Trung“, để hậu sinh biết rằng VN có người anh hùng lẫm liệt tuyệt vời như thế...

Tiếc thay, tiếc lắm thay...!! Anh hùng nước ta có, sao không xiển dương, tán thưởng... lại đi đề cao danh nhân xứ người...

Rồi Thi Bá Vũ Hoàng Chương cũng ngợi ca Kinh Kha qua “Bài ca sông Dịch” với câu thơ:

*“Một nét dao bay ngàn thuở đẹp
Dù sai hay trúng cũng là dư. “*

Buồn thay, buồn lắm thay!

Tóm lại, danh nhân thế giới là tài sản chung của nhân loại, ai cũng có quyền tán thán hay khinh thị. Song, với người viết,

để “Thoát Trung“, chỉ xưng tụng người ngoài khi mà Sử Việt không có...

Phân kết:

Bây giờ, xin trở lại truyện Hiến Thân Cứu Chúa. Để kết thúc Sử Truyện bi hùng, có bài thơ nhận xét về hai danh nhân cổ đại Kỷ Tín và Lê Lai dưới đây:

Lê Lai và Kỷ Tín

*Sử Việt tiền nhân bậc đại hùng
Lông hồng xem nhẹ nặng lòng trung
Lê Lai cứu chúa tâm tình nguyện
Kỷ Tín thay vua thế chẳng đờng
Kỷ Tín ngồi chờ lời chỉ định
Lê Lai phất dậy miệng tiên xung
Ao nhà biển cả đều cần có
Biển cả bao la đẹp trập trùng...*

Nguyễn Minh Thanh

Phụ giải:

- Lê Lai (...- 1418) Lê Lai người Thanh Hóa, cha tên là Lê Kiêu. Ông lo việc hậu cần cho Lê Lợi rất chu đáo. Hội Thề Lũng Nhai năm 1416 đã có Lê Lai.

- Kỷ Tín (...- 204 TCN): Lưu Bang bị Hạng Võ vây ngặt ở thành Huỳnh Dương, thế khó thoát. Nhờ Kỷ Tín đóng giả làm Lưu Bang, và Lưu Bang thoát nạn.

- 19 HÀO KIẾT HỘI THỀ LŨNG NHAİ (Thanh Hoá): Lê Lợi, Lê Lai, Lê Thận, Lê Văn An, Lê Văn Linh, Trịnh Khả, Trương Lôì, Lê Liễu, Bùi Quốc Hưng, Lê Ninh, Lê Hiêm, Vũ Uy, Nguyễn Trãi, Đinh Liệt, Lê Nhân Chú, Lê Bôi, Lê Lý, Đinh Lan và Trương Chiển.

((Georgia, 4 Tháng 7- 2024))